

Bản án số: 09/ 2018/ HNGĐ - ST
Ngày : 25 / 5/ 2018.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Cương và ông Nguyễn Thế Anh.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28 /2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1988.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
Địa chỉ: Khối Tân T, phường Hòa H, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Xóm 7, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị H còn vắng mặt anh Nguyễn Văn N (Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh N sau một thời gian tự do tìm hiểu, sau đó quyết định xây dựng gia đình với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 05/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Chị và anh N kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và vợ chồng về sinh sống tại xóm 7, xã Khánh T, huyện Yên Khánh. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống

hạnh phúc với nhau được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng vẫn khắc phục được. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do anh N không quan tâm đến gia đình chỉ lo chơi cờ bạc, uống rượu. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đến tháng 6 năm 2014 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Khối Tân T, phường Hòa H, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An để sống, vợ chồng sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay, trong khoảng thời gian này chị và anh N không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh N không thể về đoàn tụ được nên chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con: Trong quá trình chung sống cho đến nay vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2013, hiện nay cháu đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Hiện tại chị đang có công việc ổn định và có thời gian chăm sóc con cái, nên chị yêu cầu Tòa án giao cháu H cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho tới khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cho chị. Về con riêng vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh N trong quá trình chung sống cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, do vậy nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày: Về thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh và chị H đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống, sau khi cưới vợ chồng về sống tại xóm 7, xã Khánh T, huyện Yên Khánh. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc với nhau được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra những va chạm và cãi chửi nhau. Đến năm 2014 thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Khối Tân T, phường Hòa H, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An để sinh sống, anh và chị H sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Trong khoảng thời gian này anh và chị H không còn quan tâm liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh cũng xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con: Anh và chị H cho đến nay có một con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 16 tháng 2 năm 2013, hiện cháu H đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi nghe đại diện Tòa án giải thích về quyền của cha mẹ đối với con. Anh nhận thấy cháu H đang được chị H chăm sóc nuôi dưỡng và cháu đang có cuộc sống của ổn định, hơn nữa cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, cũng như chị H có điều kiện thời gian và kinh tế hơn anh nên anh đồng ý giao cháu Nguyễn Văn H cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho tới khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống. Anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cho chị H

anh nhất trí và không có ý kiến gì. Về con riêng vợ chồng không ai có nên anh không yêu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh N xác định trong quá trình chung sống cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, do vậy nay ly hôn anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc anh N vắng mặt vì anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào quy định của pháp luật vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H, xử cho ly hôn với anh Nguyễn Văn N, về con: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2013 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh N không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H theo thoả thuận là phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn N vắng mặt vì lý do anh có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về cuộc sống, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi chửi nhau, chị H cho rằng anh N không quan tâm gì đến gia đình, hay chơi bời, còn anh N cho rằng vì tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Do cuộc sống không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng bị dạn nứt và chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2014 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân giữa chị H và anh N không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị H yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn N đã viết bản tự khai và anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh nhất trí ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị H và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con: Chị H và anh N đều xác định cho đến nay vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2013, hiện nay cháu đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giao cháu H cho chị được tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng cho tới khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị H không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cho chị. Mặc dù Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con khi ly hôn nhưng chị H xác định có đủ điều kiện nên chị vẫn không yêu cầu. Về con riêng vợ chồng không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con anh Nguyễn Văn N nhất trí với yêu cầu của chị H về việc nuôi con khi ly hôn. Anh yêu cầu giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2013 cho chị H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng nuôi dưỡng cho tới khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh N không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cho chị H và có quyền đi lại thăm nom con chung, anh N nhất trí và không có ý kiến gì khác. Về con riêng vợ chồng không có nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhận thấy yêu cầu của chị H về nuôi con chung là phù hợp, đã đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu và anh N cũng nhất trí. Do vậy cần giao cháu H cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh N không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cho chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Trong quá trình Tòa án giải quyết thì chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có nên không có yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 57, 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc “ Ly hôn, tranh

chấp về con khi ly hôn ” đối với anh Nguyễn Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- Về con: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn N không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cho chị Nguyễn Thị H và có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA / 2013/ 0001741 ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Khánh T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung